

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của các Quỹ tài chính ngoài ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2020

Thực hiện nội dung Công văn số 3023/VPQH-GS ngày 20/11/2018 của Văn phòng Quốc hội và Công văn số 1616/BTC-NSNN ngày 31/01/2019 của Bộ Tài chính về việc báo cáo tình hình hoạt động của các Quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách Nhà nước giai đoạn 2011 – 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo, như sau:

Thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương sáu khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; UBND tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo các sở, ban, ngành triển khai thực hiện rà soát, đánh giá về tổ chức, hoạt động của các Quỹ tài chính ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh. Kết quả đã giải thể 02 quỹ (*Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi và Quỹ Phòng, chống tội phạm tỉnh Quảng Ngãi*).

I. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CỦA CÁC QUỸ

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 13 tổ chức quỹ tài chính ngoài ngân sách Nhà nước. Trong đó, có 06 Quỹ liên quan hoạt động cho vay (*05 Quỹ có người làm việc chuyên trách, 01 Quỹ hoạt động kiêm nhiệm*), 07 Quỹ không hoạt động cho vay (*02 Quỹ có người làm việc chuyên trách, 06 Quỹ hoạt động kiêm nhiệm*).

1. Quỹ liên quan đến cho vay

1.1. Quỹ do UBND tỉnh thành lập hoặc cho phép thành lập (*cho phép thành lập đối với quỹ xã hội*): Có 04 Quỹ; trong đó 03 Quỹ có người làm việc chuyên trách, 01 Quỹ hoạt động kiêm nhiệm.

a) Quỹ đầu tư phát triển tỉnh:

- Vị trí, chức năng:

Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Quảng Ngãi là tổ chức tài chính nhà nước của tỉnh, trực thuộc UBND tỉnh, được thành lập năm 2014 và đến năm 2015 sáp nhập Quỹ phát triển đất vào Quỹ. Quỹ thực hiện chức năng đầu tư phát triển và đầu tư tài chính (*thực hiện các dự án phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế xã hội của tỉnh*) theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ.

- Nhiệm vụ cơ bản:

+ Huy động vốn, đầu tư trực tiếp, hoạt động cho vay; hoạt động góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định.

+ Nhận ủy thác; ủy thác cho các tổ chức tín dụng và ngân hàng phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ theo quy định; huy động vốn cho ngân hàng chính sách địa phương.

+ Tiếp nhận, quản lý vốn từ Quỹ phát triển đất và các nguồn vốn được quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và các nguồn vốn khác theo quy định;

+ Ứng vốn cho các tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thu hồi vốn đã ứng.

- Cơ chế hoạt động: Hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

- Cơ cấu tổ chức: gồm Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và cơ quan điều hành Quỹ.

+ Hội đồng quản lý: có 5 thành viên, do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ do 01 Phó Chủ tịch UBND tỉnh kiêm nhiệm, Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Quỹ hoạt động chuyên trách và 3 thành viên kiêm nhiệm, gồm: Giám đốc Sở Tài chính, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Ngãi.

+ Ban Kiểm soát: có 03 thành viên, gồm: Trưởng ban làm việc theo chế độ chuyên trách; 02 thành viên khác làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Hiện đang trình bổ nhiệm các chức danh trên của Ban Kiểm soát Quỹ theo quy định.

+ Cơ quan điều hành làm việc chuyên trách, gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, kế toán trưởng và 04 phòng, ban nghiệp vụ (Văn phòng, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Kế hoạch – Đầu tư, Phòng nguồn vốn – Tín dụng).

- Tình hình hoạt động:

+ Về vốn điều lệ:

* Vốn điều lệ do ngân sách cấp là 100 tỷ đồng.

* Vốn từ nguồn phát triển đất chuyển sang: 28,9 tỷ đồng.

+ Về sử dụng vốn:

* Đối với nguồn vốn Quỹ đầu tư phát triển: Đến thời điểm hiện nay Quỹ đã ký kết các hợp đồng tín dụng để tài trợ cho các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên của tỉnh với tổng hạn mức là 78,8 tỷ đồng và đã giải ngân 65,8 tỷ đồng.

* Đối với nguồn vốn Quỹ phát triển đất: Quỹ đã thực hiện ứng vốn cho một số dự án theo chỉ đạo của UBND tỉnh (Dự án Khu dân cư Yên Phú; Dự án xây dựng hệ thống cấp nước thị trấn Sông Vệ và hai xã Nghĩa Thương, Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa; Ứng vốn di dời Bến xe khách Quảng Ngãi, ...)

+ Quỹ Đầu tư phát triển là một tổ chức tài chính nhà nước của tỉnh, hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính. Nguồn thu, nhiệm vụ chi tách bạch với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

b) Quỹ Bảo vệ môi trường:

- Vị trí, chức năng: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi (Quỹ) là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, chịu sự quản lý nhà nước về tài chính của Sở Tài chính; có chức năng cho vay lãi suất ưu đãi, tài trợ, hỗ trợ lãi xuất cho các chương trình, dự án, các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu không nằm trong kế hoạch ngân sách.

- Nhiệm vụ cơ bản của quỹ: Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các loại phí bảo vệ môi trường, các nguồn tài trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi xuất vay vốn, bảo lãnh vay vốn đối với các dự án bảo vệ môi trường ở địa phương; tiếp nhận và quản lý nguồn vốn ủy thác, nhận ủy thác từ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam; ...

- Cơ chế hoạt động: hoạt động theo chế độ chuyên trách.

- Cơ cấu tổ chức: gồm Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và cơ quan điều hành Quỹ.

+ Hội đồng quản lý có 05 thành viên, do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ là Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Phó Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Sở Tài chính và 03 thành viên khác là Lãnh đạo các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Ngãi và Chi cục Bảo vệ môi trường.

+ Ban Kiểm soát có 03 thành viên, bao gồm Trưởng ban và 02 thành viên là lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường và Kế hoạch và Đầu tư.

+ Cơ quan điều hành nghiệp vụ làm việc chuyên trách, gồm: Giám đốc và 02 phòng chuyên môn nghiệp vụ (Phòng Hành chính – Tổng hợp và Phòng nghiệp vụ), được bố trí 04 viên chức và 03 hợp đồng lao động.

- Tình hình hoạt động:

+ Vốn điều lệ: Theo quy định do ngân sách nhà nước cấp trong vòng 3 năm là 20 tỷ đồng và đến thời điểm 31/3/2017 Quỹ đã tiếp nhận đủ số Vốn điều lệ này.

+ Về sử dụng vốn:

* Vốn hoạt động bổ sung từ nguồn khác: gần 2,2 tỷ đồng. Trong đó: Từ nguồn ngân sách cấp đến 31/08/2018 là 1.614 triệu; từ nguồn đơn vị tự trích đến 31/08/2018 là 580 triệu

* Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đến thời điểm này: Đã tiếp nhận và xác nhận ký quỹ cho: 160 dự án, với tổng tiền ký quỹ gần: 35 tỷ đồng.

* Đã hoàn trả tiền ký quỹ cho 21 dự án, với số tiền 3,2 tỷ đồng (kể cả tiền lãi).

+ Hoạt động cho vay với lãi suất ưu đãi: Đến thời điểm này đã giải ngân cho 07 dự án, với số tiền khoảng 14 tỷ đồng (lãi suất 3,5%/năm – 4%/năm).

Dự kiến trong quý III/2018: Quỹ sẽ tiếp tục giải ngân cho 02 dự án hoàn chỉnh và bổ sung đủ hồ sơ theo quy định, với số tiền khoảng 6,0 tỷ đồng.

+ Qua rà soát nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

c) Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã:

- Vị trí, chức năng:

Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Quảng Ngãi là tổ chức tài chính mang tính chất hỗ trợ của Nhà nước đối với sự phát triển của Tổ hợp tác, Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; Quỹ trực thuộc Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Quỹ có chức năng tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước giao, nguồn vốn đóng góp tự nguyện của Hợp tác xã; huy động các nguồn tài chính của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tiếp nhận các nguồn vốn uỷ thác từ các tổ chức có liên quan để hỗ trợ cho Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh theo quy định

Hỗ trợ cho các Hợp tác xã thông qua các phương thức: cho vay đầu tư; hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc; bảo lãnh tín dụng; ủy thác và nhận ủy thác; hỗ trợ lãi suất. Quỹ thực hiện nhiệm vụ ủy thác hoạt động cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Quảng Ngãi theo quy định hiện hành.

- Cơ chế hoạt động: hoạt động kiêm nhiệm, các nhiệm vụ thẩm định, cho vay được ủy thác cho Quỹ đầu tư và phát triển tỉnh Quảng Ngãi.

- Cơ cấu tổ chức: gồm Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và cơ quan điều hành Quỹ.

+ Hội đồng quản lý có 05 thành viên, do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ là Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Sở Tài chính và 03 thành viên khác là Lãnh đạo của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Ngãi.

+ Ban Kiểm soát có 03 thành viên, bao gồm Trưởng ban và 02 thành viên là lãnh đạo, chuyên viên các phòng, ban chuyên môn của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Sở Tài chính.

+ Cơ quan điều hành nghiệp vụ gồm: Giám đốc, kế toán trưởng, thủ quỹ và tín dụng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, do Lãnh đạo, viên chức của Liên minh Hợp tác xã tỉnh đảm nhận.

- Tình hình hoạt động:

+ Vốn điều lệ Quỹ:

Theo Điều lệ Quỹ được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, vốn điều lệ của Quỹ là 27 tỷ đồng (Ngân sách nhà nước cấp lần đầu 15 tỷ đồng, hàng năm bổ sung 02 tỷ đồng).

Đến tháng 9/2018, Quỹ mới tiếp nhận được vốn Điều lệ do Ngân sách nhà nước cấp 05 (năm) tỷ đồng.

+ Về huy động vốn và sử dụng vốn:

Hiện nay, Hội đồng quản lý Quỹ đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý (*ký kết hợp đồng ủy thác với Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh, ban hành Quy chế cho vay*) để hướng dẫn cho các hợp tác xã nắm bắt các quy định và lập dự án vay vốn. Dự kiến trong tháng 9/2018, Quỹ sẽ tiến hành giải ngân cho các Hợp tác xã có nhu cầu vay vốn (hướng dẫn ít nhất 02 HTX hoàn thành thủ tục để giải ngân cho vay).

Theo quy định tại Điều lệ Quỹ, mỗi dự án được cho vay 10% trên vốn Điều lệ hiện có của Quỹ. Vì vậy, trong năm 2018, Quỹ được cấp 05 tỷ đồng, do đó, Quỹ sẽ xem xét giải ngân cho các dự án với mức vốn vay tối đa là 500 triệu đồng/HTX. Như vậy, sẽ có 10 Dự án được ưu tiên vay vốn trong năm 2018.

+ Nguồn thu: Hiện tại Quỹ chưa có nguồn thu nào ngoài vốn Điều lệ do Ngân sách nhà nước cấp.

d) Quỹ Hỗ trợ ngư dân (Quỹ xã hội):

- Tôn chỉ, mục đích:

Quỹ Hỗ trợ ngư dân tỉnh Quảng Ngãi là tổ chức xã hội, được Chủ tịch UBND tỉnh cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ tại Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 11/8/2011. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự tạo vốn, bảo tồn vốn, tự trang trải và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của mình.

Quỹ huy động sự đóng góp tài chính một cách hợp pháp của cơ quan nhà nước, các tổ chức, các nhà doanh nghiệp, của cộng đồng, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ giúp đỡ kịp thời cho ngư dân bị thiệt hại do thiên tai, do nước ngoài cố tình gây ra khi đang khai thác thủy sản trên vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam và các vùng biển hợp pháp khác, nhằm sớm khôi phục lại phương tiện sản xuất và ổn định đời sống.

- Cơ chế hoạt động: hoạt động theo chế độ chuyên trách.

- Cơ cấu tổ chức: gồm Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và bộ phận điều hành Quỹ.

+ Hội đồng quản lý Quỹ: Hội đồng quản lý Quỹ được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận, gồm các thành phần: Tổ chức, cá nhân sáng lập quỹ; đại diện các cơ quan, đoàn thể: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Nghề cá tỉnh, Sở Tài chính, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh.

+ Ban Kiểm soát có 3 thành viên, do một thành viên Hội đồng quỹ làm Trưởng ban.

+ Giám đốc và Phó Giám đốc thường trực điều hành hoạt động Quỹ giữa các kỳ họp Hội đồng quản lý Quỹ theo Điều lệ Quỹ.

- Tình hình hoạt động:

+ Về vốn điều lệ: Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập Quỹ vào tháng 8/2011 là 1.007 triệu đồng (*không có vốn hỗ trợ từ ngân sách*).

+ Về huy động vốn và sử dụng vốn:

Tổng số vốn huy động từ ngày thành lập đến tháng 8/2018 là 95.200 triệu đồng. Trong đó: Từ ngân sách nhà nước là 11.000 triệu đồng; từ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh là 84.000 triệu đồng.

+ Về sử dụng vốn: Đã chi hỗ trợ cho chủ tàu và ngư dân bị thiệt hại là: 82.514 triệu đồng.

+ Nguồn thu và nhiệm vụ chi của Quỹ không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách Nhà nước.

1.2. Quỹ do các tổ chức Chính trị - Xã hội thành lập: Gồm 02 Quỹ, có người làm việc chuyên trách.

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân:

- Vị trí, chức năng:

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Quảng Ngãi (Quỹ) được Hội nông dân tỉnh thành lập tại Quyết định số 32-QĐ/HND ngày 08/8/1996. Quỹ là tổ chức thuộc Hội Nông dân tỉnh Quảng Ngãi, Quỹ được thành lập nhằm mục đích hỗ trợ, giúp đỡ hội viên nông dân xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế nhằm xóa đói giảm nghèo; nâng cao qui mô sản xuất và sản xuất hàng hóa, phát triển ngành nghề; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn; tạo việc làm, thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp, khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng vùng để tạo ra các loại nông sản hàng hóa, dịch vụ đạt chất lượng, hiệu quả cao.

- Cơ chế hoạt động: hoạt động theo chế độ chuyên trách.

- Cơ cấu tổ chức: gồm Ban Điều hành và Ban Kiểm soát Quỹ.

+ Ban Điều hành: Ban Điều hành Quỹ có 04 chức danh (trong đó 02 chức danh chuyên trách và 02 chức danh kiêm nhiệm). Cụ thể: Trưởng ban do Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh kiêm; 01 Phó Trưởng ban chuyên trách; 01 kế toán chuyên trách và 01 thủ quỹ kiêm nhiệm.

+ Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát Quỹ có 3 thành viên, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

- Tình hình hoạt động:

+ Vốn điều lệ:

Tính đến ngày 31/8/2018, tổng nguồn vốn là 25.451 triệu đồng. Trong đó:

* Nguồn vốn Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ủy thác: 14.797 triệu đồng (do Hội Nông dân tỉnh quản lý);

* Nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: 10.654 triệu đồng (trong đó: Vốn vận động 114 triệu đồng, ngân sách tỉnh cấp 8.950 triệu đồng, trích bổ sung vào nguồn từ kết quả hoạt động 1.590 triệu đồng);

Hàng năm, trích từ kết quả hoạt động (thu lớn hơn chi) bổ sung tăng trưởng nguồn vốn là 1.590 triệu đồng. Hàng năm Quỹ HTND tỉnh trích lập Quỹ Dự phòng rủi ro, tính đến nay đã trích lập và còn dư 346 triệu đồng.

+ Về huy động vốn và sử dụng vốn:

Việc cho vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được thực hiện theo phương thức cho vay có hoàn trả (có kỳ hạn, có hạn mức), không thu lãi nhưng có thu phí.

Hiện nay, có 81 dự án Quỹ đang cho vay tại 81 cơ sở; trong đó dự án đầu tư cho chăn nuôi heo chiếm 1,2%; chăn nuôi bò lai sinh sản chiếm 87,8%; trồng trọt chiếm 4,9%; thủy sản chiếm 4,9%; chế biến 1,2%.

Tính đến 31/8/2018, tổng dư nợ cho vay là 25.352 triệu đồng (trong đó cho vay nguồn Trung ương Hội 14.797 triệu đồng, cho vay nguồn của Quỹ HTND tỉnh 10.555 triệu đồng), có 774 hộ còn dư nợ vay, quá hạn 51.600.000 đồng (0,20%).

b) Nguồn vốn hỗ trợ phụ nữ tỉnh:

Nguồn vốn hỗ trợ phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi được Quỹ Hỗ trợ phụ nữ Trung ương phân bổ, giao Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh quyết định thành lập Ban Điều hành, Ban Kiểm soát để quản lý nguồn vốn, không thành lập Quỹ ở địa phương.

Nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ phụ nữ tại địa phương nhằm mục đích hỗ trợ cho phụ nữ nghèo, cận nghèo, phụ nữ yếu thế và các đối tượng khác, góp phần giải quyết việc làm, thúc đẩy bình đẳng giới, công bằng xã hội; ...

- Ban Điều hành Quỹ: có 05 chức danh (*trong đó 01 chức danh chuyên trách và 04 chức danh kiêm nhiệm*). Cụ thể: Trưởng ban do Chủ tịch Hội Phụ nữ tỉnh kiêm; 01 Phó Trưởng ban chuyên trách; 01 kế toán chuyên trách và 01 thủ quỹ kiêm nhiệm.

- Ban Kiểm soát Quỹ: có 3 thành viên, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

- Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nghèo tỉnh Quảng Ngãi được Trung ương cấp 8 tỷ. Số dư Quỹ tại tỉnh 2.284.260.000đ.

2. Quỹ không cho vay:

Gồm có 07 Quỹ, do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập hoặc cho phép thành lập (*cho phép thành lập đối với quỹ xã hội*). Trong đó, 02 Quỹ có người làm việc chuyên trách, 05 Quỹ hoạt động kiêm nhiệm.

a) Quỹ Bảo trợ trẻ em:

- Vị trí, chức năng, nhiệm vụ cơ bản:

Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Quảng Ngãi là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, có chức năng tổ chức vận động, thu nhận, quản lý và sử dụng các nguồn lực về tài chính, vật chất nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên địa bàn tỉnh.

Khai thác, thu nhận các nguồn đóng góp ở trong và ngoài nước, nguồn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh để tạo nguồn vốn cho Quỹ; phát triển nguồn vốn thông qua những hoạt động kinh tế; xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án theo quy định của pháp luật; ...

- Cơ chế hoạt động và biên chế: hoạt động theo chế độ chuyên trách; được UBND tỉnh quyết định giao 07 biên chế sự nghiệp.

- Cơ cấu tổ chức: Gồm Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 02 phòng chuyên môn, nghiệp vụ (*Phòng Truyền thông – Vận động Quỹ, Phòng Hành chính – Kế toán*).

- Nguồn kinh phí hoạt động hàng năm: Nguồn kinh phí hoạt động hàng năm: kinh phí ngân sách Nhà nước cấp theo giá dịch vụ sự nghiệp công được xây dựng theo tỷ lệ % (4%) nguồn lực huy động và kinh phí đối ứng các dự án được UBND tỉnh phê duyệt”.

b) Nguồn vận động Quỹ Đền ơn đáp nghĩa:

- Nguồn vận động Quỹ đền ơn đáp nghĩa tỉnh được huy động, sử dụng theo quy định tại Nghị định số 45/2006/NĐ-CP ngày 28/4/2006 của Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý, sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Ban Quản lý Quỹ (*Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 23/10/2006 và được kiện toàn tại Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 12/3/2012*) để quản lý Quỹ theo quy định.

Nguồn Quỹ Đền ơn đáp nghĩa tỉnh được huy động từ sự đóng góp tự nguyện theo trách nhiệm, tình cảm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cùng nhà nước chăm sóc người có công với cách mạng.

- Cơ chế hoạt động, cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Quỹ:

Làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, gồm 06 thành viên; trong đó: Trưởng ban do 01 Phó Chủ tịch UBND tỉnh đảm nhiệm, 02 Phó Trưởng ban và 03 ủy viên.

- Hoạt động của Quỹ: Quỹ được mở tài khoản riêng để theo dõi số phát sinh hàng năm tại Kho bạc Nhà nước; mở sổ sách theo dõi, hạch toán nguồn ủng hộ, đóng góp và ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo quy định.

c) Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng:

- Vị trí, chức năng, nhiệm vụ cơ bản: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi; mục đích hoạt động của Quỹ nhằm huy động các nguồn lực của xã hội, tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc, nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, uỷ thác của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để phục vụ cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hoá nghề rừng; thực hiện hỗ trợ cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư.

- Cơ chế hoạt động và biên chế: hoạt động theo chế độ chuyên trách. Được UBND tỉnh quyết định giao 06 biên chế sự nghiệp.

- Cơ cấu tổ chức: gồm Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và Ban điều hành Quỹ.

+ Hội đồng quản lý Quỹ: do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, gồm có 09 thành viên. Chủ tịch Hội đồng do Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT kiêm nhiệm và đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và

Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục thuế tỉnh và 01 ủy viên Hội đồng là Giám đốc Quỹ hoạt động chuyên trách.

+ Ban Kiểm soát Quỹ: Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ do Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn kiêm nhiệm;

+ Ban điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc và 02 phòng chuyên môn nghiệp vụ (*phòng Kế hoạch – Kỹ thuật và phòng Hành chính – Tổng hợp*). Tổng số viên chức và nhân viên hợp đồng của đơn vị là 07 người (trong đó, có 06 viên chức và 01 nhân viên hợp đồng).

- Về huy động và sử dụng vốn:

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh khi thành lập không yêu cầu vốn điều lệ, ngân sách nhà nước hỗ trợ ban đầu khi mới thành lập để phục vụ cho công việc chuyên môn trong thời kỳ đầu chưa ổn định về tài chính. Nguồn vốn của Quỹ tỉnh hàng năm chủ yếu thu từ nguồn ủy thác của các đối tượng sử dụng dịch vụ môi trường rừng (*các cơ sở sản xuất thủy điện, sản xuất và cung cấp nước sạch, sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước, kinh doanh du lịch, hấp thụ các bon*) để chi trả cho các chủ rừng. Nguồn ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng hàng năm đóng góp cùng ngân sách Nhà nước để đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, góp phần giảm áp lực chi ngân sách nhà nước đầu tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp, thực hiện từng bước xã hội hóa nghề rừng.

d) Quỹ hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo, người gặp khó khăn đột xuất do mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo:

- Vị trí, chức năng: Quỹ hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo, người gặp khó khăn đột xuất do mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo tỉnh Quảng Ngãi là Quỹ của Nhà nước, Sở Y tế là cơ quan thường trực của Quỹ. Quỹ có chức năng tiếp nhận, quản lý, huy động các nguồn tài chính do ngân sách nhà nước hỗ trợ; đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác, nhằm hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo, người gặp khó khăn đột xuất do mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo do có hộ khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Cơ cấu tổ chức: Ban Quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập. Lãnh đạo UBND tỉnh làm Trưởng Ban; lãnh đạo Sở Y tế làm Phó Trưởng ban thường trực; Lãnh đạo Sở Tài chính làm Phó trưởng ban; đại diện lãnh đạo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh và UBMTTQVN tỉnh là ủy viên.

- Cơ chế hoạt động: hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm; ngoài ra Quỹ có 01 hợp đồng lao động làm công tác văn thư, thủ quỹ.

- Quỹ hoạt động không vì lợi nhuận, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

đ) Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh:

- Vị trí, chức năng: Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam tỉnh Quảng Ngãi là Quỹ nhân đạo phi lợi nhuận, trực thuộc Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin

tỉnh Quảng Ngãi. Quỹ huy động mọi nguồn tài trợ, viện trợ nhân đạo trong và ngoài nước, để giúp đỡ các nạn nhân chất độc da cam về tinh thần và vật chất, tạo điều kiện cho các nạn nhân và gia đình họ hòa nhập vào cộng đồng.

- Cơ cấu tổ chức: gồm Hội đồng Quản lý và Ban điều hành Quỹ.

+ Hội đồng Quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận, gồm có 09 thành viên. Chủ tịch Hội đồng do Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam tỉnh kiêm nhiệm; Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam tỉnh và 07 thành viên là đại diện lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban MTTQVN tỉnh, Hội Chữ thập đỏ, Hội Cựu chiến binh, Công ty cổ phần đường Quảng Ngãi.

+ Ban điều hành Quỹ: Gồm có 03 người, Giám đốc Quỹ là Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam tỉnh - kiêm Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ; Phó Giám đốc Quỹ là Phó chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam tỉnh và Ủy viên là Phó Trưởng phòng tài chính hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính.

- Cơ chế hoạt động: Việc điều hành, quản lý theo hình thức kiêm nhiệm.

- Về huy động và sử dụng vốn:

Nguồn Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam tỉnh vận động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ủng hộ giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam. Công tác vận động Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam tỉnh nhận được sự chỉ đạo của các cấp, sự hưởng ứng, đồng thuận của các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Tuy vậy, hiện nay việc vận động nguồn lực cho Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam tỉnh rất khó khăn. Công tác quản lý và sử dụng Quỹ đảm bảo đúng quy định, việc thu chi thanh quyết toán Quỹ theo đúng chế độ quy định hiện hành của Nhà nước, hàng năm Sở Tài chính kiểm tra đánh giá việc thu chi sử dụng đúng mục đích, đúng quy định.

e) Quỹ Khuyến học tỉnh:

- Tôn chỉ, mục đích:

Quỹ Khuyến học tỉnh tỉnh Quảng Ngãi là Quỹ xã hội, được UBND tỉnh cho phép thành lập tại Quyết định số 3741/QĐ-UBND ngày 01/9/1999. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự tạo vốn, bảo tồn vốn, tự trang trải và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của mình.

Quỹ được tổ chức và hoạt động nhằm mục đích hỗ trợ học bổng, khen thưởng, động viên học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn phấn đấu vươn lên trong học tập, góp phần hạn chế học sinh lưu ban, bỏ học; góp phần ổn định và phát triển giáo dục ở các địa phương trong tỉnh.

- Cơ cấu tổ chức:

Từ khi được UBND tỉnh cho phép thành lập đến nay, Quỹ chưa xây dựng Điều lệ Quỹ theo quy định. Quỹ do Ban Thường vụ, Thường trực Hội Khuyến học tỉnh điều hành, quản lý; có kế toán, thủ quỹ của Quỹ; hàng năm báo cáo kết

quả vận động và sử dụng Quỹ cho Ban Chấp hành vào phiên họp cuối năm theo quy định Điều lệ Hội.

- Về huy động và sử dụng vốn:

Từ ngày thành lập Quỹ đến nay, hàng năm, vào thời điểm khai giảng năm học mới, "Tháng 9 Khuyến học" và kỷ niệm ngày Khuyến học Việt Nam 02/10, Hội Khuyến học tỉnh xin phép UBND tỉnh tổ chức vận động Quỹ Khuyến học (Thu kêu gọi ủng hộ) gửi các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đóng góp cho Quỹ, với tổng số tiền vận động được trong 19 năm qua là trên 55 tỷ đồng; đã cấp học bổng và khen thưởng cho học sinh nghèo hiếu học, học sinh có hoàn cảnh khó khăn phấn đấu vươn lên trong học tập với gần 30.000 suất học bổng, tổng số tiền hơn 52 tỷ đồng (*kể cả học bổng của các tổ chức phi chính phủ tài trợ*).

Việc thu, chi quỹ theo đúng nguyên tắc, quy định của nhà nước, không trùng với nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

g) Quỹ học bổng Khuyến tài Phạm Văn Đồng:

- Tôn chỉ, mục đích:

Quỹ học bổng Khuyến tài Phạm Văn Đồng là quỹ xã hội, được UBND tỉnh cho phép thành lập tại Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 17/8/2006. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự tạo vốn, bảo tồn vốn, tự trang trải và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Quỹ được tổ chức và hoạt động nhằm mục đích hỗ trợ học bổng, giúp đỡ sinh viên nghèo học giỏi, khuyến khích sinh viên xuất sắc vượt qua khó khăn, phấn đấu học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và rèn luyện phẩm chất đạo đức để trở thành người tài, phục vụ cộng đồng, xã hội.

- Cơ cấu tổ chức: gồm Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Quỹ.

Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận, gồm đại diện các cơ quan, đơn vị: Hội Khuyến học tỉnh, UBMTTQVN tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Tỉnh đoàn và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

- Về huy động và sử dụng vốn:

Nguồn vốn huy động của Quỹ từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh. Từ năm 2006 đến nay, đã cấp 3.741 suất học bổng với số tiền 7.008.500.000 đồng cho những sinh viên nghèo học giỏi, xuất sắc, giúp các em trưởng thành, lập thân, lập nghiệp.

(Có các Biểu kèm theo)

II. Đánh giá chung

1. Về ưu điểm

Cơ bản các Quỹ hoạt động phù hợp theo mục tiêu đề ra, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương.

1.1. Các Quỹ tài chính, Quỹ xã hội – từ thiện do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập đều căn cứ trên cơ sở quy định của

Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương và nhu cầu thực tiễn của tỉnh; mỗi Quỹ hoạt động trên từng lĩnh vực khác nhau.

1.2. Các Quỹ đều thực hiện nghiêm túc Điều lệ được UBND tỉnh phê duyệt và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến Quỹ; hàng năm, các Quỹ đều xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể để thực hiện tốt những nhiệm vụ được giao.

1.3. Hoạt động của các Quỹ bám sát điều lệ và quy định của Pháp luật nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng, phạm vi hoạt động của Quỹ trên nguyên tắc bảo toàn vốn, không vì mục đích lợi nhuận, đã đáp ứng được một phần nhu cầu sản xuất kinh doanh, công tác xã hội – từ thiện trên địa bàn tỉnh.

1.4. Một số Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách đã huy động thêm nguồn lực tài chính khác nhau phục vụ cho một số mục tiêu của cộng đồng hoặc của ngành, lĩnh vực, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội.

1.5. Đối với nhiệm vụ được giao, các Quỹ chủ động quyết định các biện pháp thực hiện, cơ bản đảm bảo hoàn thành theo kế hoạch, nhiệm vụ được giao.

2. Tồn tại, hạn chế

2.1. Việc huy động các nguồn lực xã hội của nhiều Quỹ còn hạn chế, chủ yếu hoạt động trên cơ sở vốn cấp, bổ sung từ ngân sách Nhà nước;

2.2. Có những Quỹ mục đích hoạt động, đối tượng hỗ trợ tương đồng nhau, như: Quỹ Khuyến học tỉnh hỗ trợ học bổng, khen thưởng, động viên học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn phấn đấu vươn lên trong học tập, ...; Quỹ học bổng khuyến tài Phạm Văn Đồng hỗ trợ học bổng, giúp đỡ sinh viên nghèo học giỏi, khuyến khích sinh viên xuất sắc vượt qua khó khăn, phấn đấu học tập, ... do Hội Khuyến học tỉnh quản lý.

2.3. Một số Quỹ chưa phát huy hết chức năng, nhiệm vụ được giao, như Quỹ Bảo vệ môi trường chưa thực hiện về: Hỗ trợ lãi suất vay vốn, bảo lãnh vay vốn; hỗ trợ tài chính; tiếp nhận và quản lý vốn ủy thác, nhận ủy thác; ...; công tác phát triển vốn ngoài ngân sách của hầu hết các quỹ chưa quan tâm thực hiện;

2.4. Mức hỗ trợ của các quỹ cho các đối tượng chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh, công tác xã hội – từ thiện trên địa bàn tỉnh. Quỹ đầu tư phát triển tỉnh được giao thực hiện chức năng đầu tư phát triển và đầu tư tài chính để thực hiện các dự án phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế xã hội, nhưng đến nay hiệu quả hoạt động của Quỹ còn hạn chế, chưa tác động rõ nét trong công tác phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế xã hội của tỉnh; công tác huy động vốn của Quỹ còn thụ động, chưa linh hoạt.

2.5. Chưa có một khung chế tài quản lý thống nhất các Quỹ: Có Quỹ ra đời và hoạt động theo Nghị định Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc của một Bộ, ngành, địa phương riêng biệt; chưa có văn bản pháp lý thống nhất quy định chung để điều chỉnh các hoạt động của Quỹ, quy định các nguyên tắc thành lập và sử dụng hệ thống các Quỹ.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

3.1. Đa số các Quỹ có vốn điều lệ thấp, nguồn thu không lớn, không có khả năng phát triển các hoạt động cung ứng dịch vụ công; công tác huy động các nguồn lực từ xã hội hóa chưa chủ động, tích cực, còn hạn chế, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự bao cấp của nhà nước;

3.2. Cơ chế quản lý và phương thức hoạt động của các Quỹ chưa được đổi mới đồng bộ dẫn đến chất lượng và hiệu quả hoạt động còn hạn chế; một số Quỹ chưa được quy định thống nhất về mô hình tổ chức, hoạt động, mỗi tỉnh tự căn cứ vào đặc thù của địa phương trên cơ sở quy định chung, tự xây dựng và định hướng hoạt động theo cách riêng;

3.3. Các Quỹ trên địa bàn tỉnh được thành lập chưa lâu, Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước với mô hình mới nên phần nào còn bỡ ngỡ, khó khăn trong công tác quản lý; cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị làm việc chưa đáp ứng được yêu cầu công việc; số lượng người làm việc chuyên trách ít, phần lớn làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

III. Kiến nghị, đề xuất

1. Về tổ chức:

a) Sáp nhập Quỹ khuyến học tỉnh và Quỹ học bổng khuyến tài Phạm Văn Đồng, thuộc Hội Khuyến học tỉnh, vì 02 quỹ có mục đích hoạt động và đối tượng hỗ trợ tương đồng nhau. Hai quỹ này hoạt động theo Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

b) Đối với Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Quảng Ngãi:

Ngày 25/01/2017, Bộ Tài chính có Công văn số 1261/BTC-TCNH về việc tổng hợp tình hình hoạt động Quỹ đầu tư phát triển địa phương (*Quỹ ĐTPĐP*) và đề xuất sửa đổi khung khổ pháp lý. Trong đó, Bộ Tài chính đã tổng hợp, hiện nay nhiều địa phương thực hiện sáp nhập và giao nhiệm vụ của các quỹ tài chính địa phương cho Quỹ ĐTPĐP quản lý nguồn vốn và hoạt động của các quỹ tài chính địa phương thay cho việc ủy thác Quỹ quản lý các quỹ tài chính này là chưa phù hợp quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quản lý rủi ro và giới hạn an toàn sử dụng vốn của quỹ. Do đó, Bộ Tài chính đề nghị UBND các tỉnh cần chấm dứt mô hình hoạt động lồng ghép các quỹ tài chính, tách bạch hoạt động và nguồn vốn của các quỹ tài chính tại Quỹ ĐTPĐP để quản lý hiệu quả và đúng quy định. Vì vậy, đề nghị tách Quỹ Phát triển đất ra khỏi Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Quảng Ngãi theo đúng quy định.

c) Giữ nguyên tổ chức đối với các Quỹ còn lại, vì lý do:

- Các Quỹ đều được thành lập hoặc hoạt động theo quy định riêng của từng ngành, lĩnh vực, cụ thể:

+ *Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng*: Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; Quyết định số 11/2008/QĐ-BNN ngày 18/11/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát

triển rừng; Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; ...

+ *Quỹ Bảo vệ môi trường*: Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;

+ *Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX*: Quyết định số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã; Nghị quyết 26/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; ...

+ *Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh*: Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 sửa đổi và bổ sung một số điều Nghị định số 138/2013/NĐ-CP; Thông tư số 42/2014/TT-BTC ngày 08/4/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ đầu tư phát triển địa phương; ..

+ *Quỹ hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo, người gặp khó khăn đột xuất do mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo tỉnh*: Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo; Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002; ...

+ *Quỹ Bảo vệ trẻ em tỉnh*: Quyết định số 135/2003/QĐ-TTg ngày 9/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ về củng cố và phát triển Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam; ...

+ *Nguồn vận động Quỹ đền ơn đáp nghĩa*: Nghị định số 45/2006/NĐ-CP ngày 28/4/2006 của Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý, sử dụng Quỹ Đền ơn, đáp nghĩa;

+ Còn lại 02 quỹ xã hội (*Quỹ hỗ trợ ngư dân, Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam*) hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự tạo vốn, bảo tồn vốn theo Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và 02 quỹ liên quan đến nguồn vốn từ Trung ương (*Quỹ Hỗ trợ nông dân, Quỹ Hỗ trợ phụ nữ*);

- Mục đích hoạt động của các Quỹ không trùng lặp nhau; mô hình hoạt động, địa vị pháp lý, tổ chức điều hành của từng quỹ là khác nhau;

- Các Quỹ hoạt động độc lập thuộc từng sở, ngành sẽ thuận lợi hơn trong việc thực hiện chức năng vận động, phát triển vốn (*ngoài nguồn vốn từ ngân sách nhà nước*) và thẩm định đối tượng hỗ trợ; đồng thời điều hành, quản lý hoạt

động của Quỹ phù hợp với tình hình thực tế, xác với nhiệm vụ của từng ngành, từng lĩnh vực.

- Trong số 13 Quỹ, có 06 Quỹ bộ máy quản lý hoạt động kiêm nhiệm, 07 Quỹ bộ máy quản lý hoạt động chuyên trách. Nguồn kinh phí hoạt động hàng năm của các Quỹ có bộ máy hoạt động chuyên trách được trích từ tỷ lệ % nguồn lực huy động của Quỹ, Nhà nước không cấp biên chế, kinh phí hoạt động cho Quỹ (*Quỹ Bảo trợ trẻ em được giao biên chế nhưng không cấp kinh phí theo biên chế*), chỉ có Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng được giao 06 biên chế và kinh phí hoạt động hàng năm. Do vậy, nếu sáp nhập, hợp nhất các Quỹ tài chính ngoài ngân sách của tỉnh hiện nay thì chưa mang lại hiệu quả về biên chế, ngân sách Nhà nước chỉ hoạt động thường xuyên cho các Quỹ.

2. Về công tác ủy thác quản lý (thẩm định, cho vay, thu hồi vốn, ...)

Để việc sử dụng nguồn vốn của các quỹ tài chính có hiệu quả hơn và đảm bảo nguyên tắc hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh là chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của các quỹ tài chính, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh nhận ủy thác quản lý nguồn vốn và hoạt động của các quỹ (thông qua hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên) theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 2 Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Quảng Ngãi đối với các quỹ có nhu cầu ủy thác quản lý.

3. Việc thành lập mới các quỹ:

Từ nay trở về sau, không thành lập mới các Quỹ tài chính nhà nước không có khả năng tài chính độc lập, đặc biệt là các Quỹ có nguồn huy động, tài trợ chủ yếu là từ ngân sách nhà nước; chỉ thành lập Quỹ trong trường hợp cần thiết, cấp bách và phải đáp ứng đủ các yêu cầu, điều kiện đã quy định tại khoản 4 điều 24 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cụ thể: Có đề án thành lập Quỹ, trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý, sự cần thiết, ý nghĩa kinh tế - xã hội và tính không thay thế được bằng các hình thức cấp phát từ ngân sách nhà nước; phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước; không trùng lặp về mục đích, tôn chỉ của các Quỹ khác; bảo đảm thành lập theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền; việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ từ ngân sách nhà nước thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước).

Kính báo cáo Bộ Tài chính, Văn phòng Quốc hội theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội (60b);
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, NC, CBTH;
- Lưu VT, KT.toan72

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng



TỈNH ỦY BAN HÀNH VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÁC QUỸ TÀI CHÍNH

GOÀI NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2011-2020

kèm theo Báo cáo số 55/BC-UBND ngày 2/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Biểu 1

STT	Quỹ áp dụng	Số ký hiệu/Tên văn bản và Thời gian ban hành văn bản	Nội dung chồng chéo, mâu thuẫn; nội dung không còn phù hợp; nội dung còn thiếu cần bổ sung; khó khăn vướng mắc trong quá trình điều hành, thực hiện	Đề xuất, kiến nghị
A	B	I	2	3
1	Quỹ đầu tư phát triển tỉnh			
1.1	Nghị định của Chính phủ	NĐ 138 ngày 28/8/2007 và NĐ 37 ngày 22/4/2013 sửa đổi một số điều NĐ 138		
1.2	Văn bản của Bộ	Thông tư số 42/2014/TT-BTC ngày 08/4/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính		
1.3	Văn bản của UBND tỉnh	Quyết định 12/2014/QĐ-UBND ngày 15/4/2014; Quyết định 24/2015/QĐ-UBND ngày 02/6/2015; Quyết định 243/QĐ-UBND ngày 05/8/2015; Quyết định 20/2018/QĐ-UBND ngày 13/8/2018.		
2	Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh		Có văn bản hướng dẫn cơ chế đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Quảng Ngãi, áp dụng cơ chế tài chính, kế toán như doanh nghiệp	
2.1	Văn bản của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26/12/2014		
2.2	Các văn bản của Bộ	Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường		
2.3	Văn bản của UBND tỉnh	QĐ số 308/QĐ-UBND ngày 06/12/2013		
3	Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX			
3.1	Văn bản của Thủ tướng Chính phủ	QĐ số 246/2006/QĐ-TTg ngày 27/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ		
3.2	Nghị quyết của HĐND	Nghị quyết 26/2013/NQ-HĐND này 10/12/2013 của HĐND tỉnh		

3.3	Văn bản của UBND tỉnh	Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; QĐ số 159/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 30/12/2016		
4	Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh			
4.1	Văn bản chỉ đạo của Đảng	Công văn số 320 CV/TW ngày 13/05/1996 của BCH TW Đảng		
4.2	Văn bản của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011; Công văn số 4035/KTTH ngày 26/7/1995 của Thủ tướng Chính phủ		
4.3	Văn bản của Bộ	Thông tư 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013		
4.4	Văn bản của UBND tỉnh	QĐ số 32-QĐ/HND ngày 08/8/1996		
5	Quỹ Hỗ trợ ngư dân			
5.1	Nghị định của Chính phủ	Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.		
5.2	Văn bản của UBND tỉnh	Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 11/8/2011		
6	Nguồn vốn hỗ trợ phụ nữ tỉnh (do Quỹ Hỗ trợ phụ nữ Trung ương giao HLHPN tỉnh quản lý)			
6.1	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Quyết định số 66/QĐ- BTC ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phụ nữ nghèo thuộc Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam		
6.2	Quyết định của Đoàn Chủ tịch TW Hội	Quyết định số 593/QĐ-ĐCT ngày 09/8/2013 phân bổ nguồn vốn Quỹ HTPNN cho các tỉnh		
7	Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh			
7.1	Văn bản của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 135/2003/QĐ-TTg ngày 9/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ		
7.2	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Thông tư số 87/2018/TT-BTC ngày 08/10/2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em		

7.3	Văn bản của UBND tỉnh	QĐ số 695/QĐ-UBND ngày 24/4/2008; Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ		
8	Nguồn vận động Quỹ đền ơn đáp nghĩa			
8.1	Nghị định của Chính phủ	Nghị định số 45/2006/NĐ-CP ngày 28/4/2006 của Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý, sử dụng Quỹ Đền ơn, đáp nghĩa		
8.2	Văn bản của UBND tỉnh	Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 23/10/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 12/3/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc kiện toàn Ban Quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa tỉnh Quảng Ngãi.		
9	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng			
9.1	Nghị định của Chính phủ	NĐ 05 ngày 14/01/2008		
9.2	Văn bản của Bộ	Quyết định số 11/2008/QĐ-BNN ngày 18/11/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
9.3	Các Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND tỉnh/thành phố	Số 998/QĐ-UBND ngày 4/7/2012; Số 999/QĐ-UBND ngày 4/7/2012; Số 325/QĐ-UBND ngày 12/3/2014; số 1524/QĐ-UBND ngày 07/9/2015; Số 1515/QĐ-UBND ngày 7/9/2015; Số 1526/QĐ-UBND ngày 6/9/2018; số 97/QĐ-UBND ngày 17/1/2019		
10	Quỹ HT khám, chữa bệnh cho người nghèo, người gặp khó khăn đột xuất do mắc bệnh nặng, hiểm nghèo			

10.1	Văn bản của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ		
10.2	Văn bản của UBND tỉnh	QĐ số 105/QĐ-UBND Quảng Ngãi ngày 22/1/2014 về việc thành lập Quỹ; QĐ số 32/QĐ-UBND Quảng Ngãi ngày 07/1/2019 về việc kiện toàn Ban quản lý Quỹ; QĐ số 05/2014/QĐ-UBND Quảng Ngãi ngày 27/2/2014 qui định chế độ hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo, người gặp khó khăn đột xuất do mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi		
11	Quỹ phòng, chống tội phạm tỉnh Quảng Ngãi			Đã giải thể
11.1	Văn bản của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định 47/2012/QĐ-TTg ngày 01/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ		
11.2	Văn bản của UBND tỉnh	QĐ số 1086/QĐ-UBND ngày 01/8/2014		
12	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh			Đã giải thể
	Văn bản của UBND tỉnh	Quyết định số 217/2003/QĐ-UB ngày 12/11/2003 và Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 30/9/2006		
13	Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam/Dioxin			
13.1	Nghị định của Chính phủ	Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.		
13.2	Văn bản của Bộ Tài chính	Thông tư số 135/1999/TT-BTC ngày 02/4/1999 hướng dẫn quản lý tài chính và sử dụng Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam		

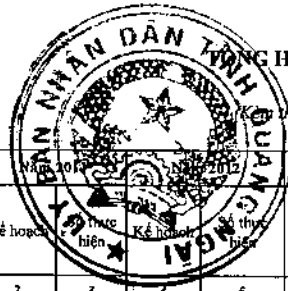
13.3	Văn bản của UBND tỉnh	Quyết định số 3795/QĐ-UBND ngày 24/11/1998 thành lập Quỹ; Quyết định 1367/QĐ-UBND ngày 9/6/2006 chuyển Quỹ Bảo trợ nạn nhân CĐDC cho Hội NNCDĐC tỉnh Quảng Ngãi quản lý; Số 194/QĐ-UBND ngày 16/02/2012 phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ; số 195/QĐ-UBND ngày 16/02/2012 kiện toàn Ban điều hành Quỹ		
14	Quỹ khuyến học tỉnh		Quỹ có mục đích hoạt động và đối tượng hỗ trợ tương đồng với Quỹ học bổng khuyến tài Phạm Văn Đồng	Hợp nhất với Quỹ học bổng khuyến tài Phạm Văn Đồng
14.1	Nghị định của Chính phủ	Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.		
14.2	Văn bản của UBND tỉnh	Quyết định số 3741/QĐ-UBND ngày 01/9/1999		
15	Quỹ Học bổng khuyến tài Phạm Văn Đồng			
15.1	Nghị định của Chính phủ	Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.		
15.2	Văn bản của UBND tỉnh	QĐ số 1711/QĐ-UBND ngày 18/7/2006 của UBND tỉnh cho phép thành lập Quỹ; QĐ số 1193/QĐ-UBND ngày 5/7/2016 về việc công nhận Điều lệ Quỹ.		



**TỈNH HÌNH BỐ TRÍ BIÊN CHẾ QUẢN LÝ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH
DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020**

Báo cáo số 55 /BC-UBND ngày 02 /4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ST T	Quỹ áp dụng	Bố trí cán bộ quản lý hoạt động của Quỹ																	
		Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Quỹ Phát triển rừng																		
a	Số biên chế quản lý Quỹ							6	2	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6
b	Chức danh lãnh đạo, chuyên trách, kiêm nhiệm (nếu có)								1		1								
c	Lao động hợp đồng								5		1	1	1	1	1	1	1	1	1
3	Quỹ Bảo trợ trẻ em																		
a	Số biên chế quản lý Quỹ	4	4	4	4	4	4	4	4	5	5	5	5	5	5	7	5	7	5
b	Chức danh lãnh đạo, chuyên trách, kiêm nhiệm (nếu có)	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13	13
c	Lao động hợp đồng	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	4	4	4	4



**HỢP CÁC KHOẢN THU CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH
DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020**

Kiểm theo Báo cáo số 55 /BC-UBND ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn thu của Quỹ	Chi tiết (tỷ lệ % hoặc mức đóng góp, đối tượng nộp và nội dung nguồn thu của Quỹ)	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020				
			Kế hoạch	Số thực hiện	Kế hoạch	Số thực hiện	Kế hoạch	Số thực hiện	Kế hoạch	Số thực hiện	Kế hoạch	Số thực hiện	Kế hoạch	Ước thực hiện						
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng cộng (I + II)		31,271	31,802	31,839	35,806	45,688	74,203	39,449	75,587	58,682	76,005	64,938	87,339	56,762	93,549	63,652	91,819	88,411	51,008
I	Khối tính		30,587	30,397	30,813	32,845	44,338	71,016	37,426	71,264	55,964	70,749	62,629	82,678	52,003	86,177	58,510	83,798	80,516	42,941
1	Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo tỉnh Quảng Ngãi		-	-	-	-	-	11,239	-	18,774	17,435	20,292	20,149	21,685	19,360	25,042	17,865	18,921	19,103	-
a	Thu hồi vốn gốc cho vay							1,477		12,926	13,233	16,121	16,828	18,205	16,832	17,559	15,056	15,503	15,377	
b	Đóng góp từ người hưởng lợi (Thu TKBB)	- TVVV của Quỹ phải tham gia đóng TK ngay từ tháng nhận vốn với mức TK tối thiểu là 20.000 đồng/người/tháng. - Số dư TK tối thiểu trước khi vay vốn vòng 2 đảm bảo 5%/tổng vốn vay của vòng vay. - Từ vòng 3 trở đi, số dư TK tối thiểu phải đảm bảo 10%/tổng vốn vay của vòng vay						47		958	1,163	907	1,375	956	910	775	937	772	704	
c	Sinh lời từ hoạt động đầu tư (Thu lãi cho vay)	1%/tháng/dư nợ vốn vay						185		810	1,119	1,064	1,305	1,143	1,135	1,084	1,020	946	934	
d	Quỹ TW chuyển tiền về							9,530		4,080	1,920	2,200	640	1,380	483	5,625	852	1,700	2,088	
2	Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa		-	266	-	58	-	1,080	-	190	-	176	-	108	-	1,937	-	503	1,000	1,000
	Huy động			266		58		1,080		190		176		108		1,937		503	1,000	1,000
4	Quỹ Bảo vệ môi trường		-	-	-	-	-	-	-	17	350	638	980	1,385	1,520	1,720	2,050	2,641	2,300	2,450
	Cho vay lãi suất ưu đãi												60	68	220	230	350	352		
	Hoạt động ký quỹ									17	350	638	920	1,320	1,300	1,490	1,700	2,289	2,300	2,450
5	Quỹ Nạn nhân chất độc da cam		1,200	1,236	1,200	1,769	1,200	1,492	1,200	1,161	1,200	2,028	1,200	1,831	1,200	3,228	1,200	3,066	1,200	1,200
	Huy động		1,200	1,236	1,200	1,769	1,200	1,492	1,200	1,161	1,200	2,028	1,200	1,831	1,200	3,228	1,200	3,066	1,200	1,200
6	Quỹ Hỗ trợ nông dân		91	91	233	233	217	217	281	281	442	442	445	445	546	546	392	392	400	400
	Huy động	0.28%	91	91	233	233	217	217	281	281	442	442	445	445	546	546	392	392	400	400
7	Quỹ Phát triển rừng		-	-	-	-	-	-	5,382	5,382	6,049	6,049	7,889	7,867	6,797	6,797	7,765	7,864	9,503	8,000
a	Hỗ trợ từ ngân sách		-	-	-	-	-	-	1,618	1,618	1,063	1,063	808	808	402	402	-	-	1,503	-



HỢP CÁC KHOẢN CHI CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH
 DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020
 Quyết định Báo cáo số 55 /BC-UBND ngày 02 /4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản chi của Quỹ	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Dự kiến năm 2019	Dự kiến năm 2020
		KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	UTH				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng (I + II)	25.215	29.437	34.248	41.935	47.935	73.495	12.275	195.527	29.894	110.602	39.818	114.071	36.079	139.533	38.949	132.642	64.325	42.754
I	Khối tỉnh	24.972	28.966	33.696	41.365	46.365	72.204	11.786	103.950	28.722	108.466	38.899	111.399	35.174	136.909	37.996	130.511	57.859	36.452
1	Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo tỉnh Quảng Ngãi						27.703	-	16.362	16.187	18.603	21.151	20.573	13.261	17.721	11.912	15.467	16.337	
a	Chi quản lý Quỹ						18.018	-	589	202	201	317	278	342	327	319	295	281	
	Chi lương, phụ cấp						18.017	-	544	198	189	296	260	328	313	310	287	263	
	Chi BHXH, BHYT, BHTN cho cán bộ						1	-	45	4	12	21	18	14	14	9	9	18	
b	Chi đầu tư						9.614	-	13.498	15.637	18.071	19.161	18.829	12.694	17.180	11.402	14.994	15.886	
	Số vốn cho vay						9.614	-	13.273	15.408	17.547	18.800	18.322	12.560	16.429	10.564	14.239	15.310	
	Chi trả tiết kiệm bắt buộc						0	-	225	214	512	351	491	115	731	813	734	553	
	Chi trả lãi TKBB						-	-	-	15	12	10	16	19	20	25	21	23	
c	Chi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Quỹ						71	-	2.175	349	331	1.673	1.467	225	215	191	177	170	
	Chi hành chính						5	-	48	20	19	22	19	14	13	12	11	10	
	Chi kiểm tra giám sát, công tác phí						5	-	196	16	15	2	2	5	5	2	2	2	
	Chi vận hành cho HPN xã, tổ trưởng						-	-	-	121	115	1.487	1.303	130	124	125	115	112	
	Chi hỗ trợ hoạt động Hội						61	-	2.031	191	182	163	143	77	73	52	48	46	
	Chuyển vốn trả lại Quỹ TW						1.530	-	4.685	1.390	1.750	450	2.375	1.688	7.360	6.015	3.490	2.657	
2	Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo						-	-	179	150	200	107	100	100	87	87	131	124	131
	Chi hoạt động Ban quản lý QKCBCHN						-	-	179	150	200	107	100	87	87	131	124	131	131
3	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa		2.255	-	4.991	-	812	-	509	-	95	-	51	-	522	-	200	1.000	1.000
	Chi hỗ trợ nhà ở người có công		2.255		4.991		812		509		95		51		522		200	1.000	1.000
4	Quỹ Bảo vệ môi trường														1.528	976	2.028	1.174	-
	Chi quản lý Quỹ														753		840		
	Chi trả lãi lý quỹ														753	976	1.098	1.174	
	Chi hoạt động cho vay														22		90		
5	Quỹ Nạn nhân chất độc da cam		1.529		1.790		1.470		1.036		2.280		1.947		2.752		3.001		
	Chi quản lý Quỹ		60		43		11		14		11		9		12		6		
	Chi nuôi dưỡng trung tâm Nghĩa Thống		50		87		78		87		76		100		91		86		
	Tổng quỹ		497		545		250		448		469		1.048		827		815		
	Làm nhà, sửa nhà		690		221		670		310		370		300				150		
	Trợ cấp khó khăn		48		63		17								61		6		
	Cấp học bổng		31		42		15		63		89		82		110		44		
	Hỗ trợ chăm nuôi		7		75		97		97		82		60		60		72		
	Chi khen thưởng		18		16		22		17		29		28		19				
	Thực hiện 2 dự án MCC tài trợ						383				1.071		192		1.458		1.388		
	Thực hiện dự án MQJ tài trợ										83		129		114		435		
	In tập san mỗi đại hội đại biểu			41															
	Tặng xe lửa						24												
	Chi khác		12																
	Chi tiền xây dựng trung tâm Đức Phổ				700														
	Chi trả tiền thiết kế trung tâm Nghĩa Chánh			75															

STT	Khoản chi của Quỹ	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Dự kiến năm 2019	Dự kiến năm 2020
		KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	UTH		
6	Quỹ Hỗ trợ nông dân	109	109	205	205	257	257	315	315	355	355	525	525	633	633	491	491	625	665
a	Chi quản lý Quỹ	64	64	74	74	118	118	152	152	223	223	212	212	205	205	334	334	350	355
	Chi trích quỹ dự phòng rủi ro	12	12	15	15	35	35	43	43	60	60	75	75	87	87	97	97	100	100
	Chi công tác phí	9	9	10	10	10	10	25	25	23	23	26	26	20	20	21	21	22	22
	Bảo dưỡng, sửa chữa, công cụ	7	7	1	1	2	2	2	2										
	Chi đào tạo, tập huấn nghiệp vụ	17	17			23	23	14	14							36	36	38	38
	Chi khác (tcm, phụ cấp, điện thoại...)	25	25	48	48	49	49	68	68	140	140	111	111	99	99	180	180	190	190
b	Chi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Quỹ	45	45	131	131	139	139	163	163	132	132	313	313	428	428	157	157	275	310
	Bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10	10	35	35	28	28	26	26	26	26	28	28	33	33	22	22	25	30
	Bổ sung Quỹ dự trữ bổ sung cho Quỹ HTND	17	17	58	58	56	56	69	69	32	32	162	162	240	240	26	26	100	120
	Bổ sung Quỹ đầu tư XD CB	7	7	23	23	21	21	24	24	15	15	48	48	68	68	12	12	50	60
	Bổ sung Quỹ dự phòng rủi ro	12	12	15	15	35	35	43	43	60	60	75	75	87	87	97	97	100	100
7	Quỹ Phát triển rừng							1.934	1.934	2.411	2.411	4.809	4.809	6.696	6.696	7.255	7.255	13.466	14.880
a	Chi quản lý Quỹ							622	622	766	766	1.016	1.016	858	858	866	866	836	800
	Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp...							452	452	593	593	657	657	589	589	535	535	525	525
	Chi hàng hóa, dịch vụ							171	171	173	173	359	359	269	269	331	331	311	275
	Chi đầu tư							1.312	1.312	634	634	355	355	343	343	921	921	4.003	-
b	Hội nghị sơ kết													27	27				
	Mua sắm tài sản							159	159	166	166	121	121	31	31	5	5		
	Xây dựng đề án chi trả DVMTR							1.153	1.153	468	468	208	208	274	274	595	595	2.231	
	Trạm quản lý bảo vệ rừng													37	37	321	321	442	
	Sử dụng vào các hạng mục theo quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP																	1.330	
c	Chi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Quỹ									1.011	1.011	3.437	3.437	5.496	5.496	5.468	5.468	8.627	14.080
	Chi cho chủ rừng									1.011	1.011	3.437	3.437	5.496	5.496	5.468	5.468	8.627	14.080
8	Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX																	200	500
a	Chi quản lý Quỹ																	50	100
	Chi lương, phụ cấp																	150	400
	Chi hoạt động của bộ phận thường trực																	3.000	3.000
9	Quỹ Bảo trợ trẻ em	900	810	900	881	1.000	940	500	333	200	193	200	168	800	781	500	492	3.000	3.000
	Chi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Quỹ	900	810	900	881	1.000	940	500	333	200	193	200	168	800	781	500	492	3.000	3.000
10	Quỹ Khuyến học, khuyến tài		300		2.295		1.841		2.987		5.534		2.781		2.620		8.083	7.500	7.500
	Cấp học bổng khuyến tài cho SV		278,7		453,6		1.191		1.185		1.130		1.006		788		878	800	800
	Cấp học bổng khuyến học cho HS				325		650		1.802		1.077		1.775		1.832		3.436	3.000	3.000
	Cấp học bổng cho HS, SV		300		325		650		1.802		1.077		1.775		1.832		3.436	3.000	3.000
	Cấp học bổng khuyến học		1.462,6		1.970		2.191,3		2.053,3		3.327		3.428,4		3.977,5		3.769	3.700	3.700
11	Quỹ Đầu tư phát triển									1.948	1.511	2.963	3.143	3.697	3.646	3.655	3.915	3.750	3.700
a	Chi phí quản lý									1.848	1.511	2.648	3.143	3.232	3.343	3.220	3.580	3.279	3.279
	Chi phí nhân viên quản lý										1.151		2.580		2.808		2.711	2.821	2.821
	Chi phí khấu hao TSCĐ										44		44		44		45	52	55
	Thuế, phí và lệ phí												3		3		3	3	3
	Chi phí dịch vụ mua ngoài										254		194		319		236	205	205
	Chi phí bằng tiền khác										63		322		169		225	290	195
b	Chi phí hoạt động nghiệp vụ									100		315		465		303	435	36	471
	Chi phí đầu tư trực tiếp																	34	30
	Chi phí dự phòng rủi ro cho vay													375		303	375	2	441
	Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác													90		60			
12	Quỹ cho vay giải quyết việc làm																		
14	Quỹ VI người nghèo	15.515	15.515	9.872	9.872	12.697	12.697	8.858	9.200	7.420	9.992	9.152	11.220	10.000	7.307	13.076	13.720	10.676	8.776

STT	Khoản chi của Quỹ	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Dự kiến năm 2019	Dự kiến năm 2020
		KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	ƯTH		
a	Chi quản lý Quỹ	193	193	99	99	111	111	250	106	220	231	152	100	200	200	576	576	676	776
	Công tác vận động quỹ	60	60	54	54	75	75	170	51	140	54	96	61	104	104	386	386	436	486
	Chi khác (thuế xe, đăng báo, băng đĩa, pa nô...)	133	133	45	45	36	36	80	55	80	59	56	39	96	96	190	190	240	290
	Chi phí Ban QL dự án 70 nhà Việt từ năm 2013-2015)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	118	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Quỹ	15.322	15.322	9.773	9.773	12.586	12.586	8.608	9.094	7.280	9.761	9.000	11.120	9.800	7.107	72.500	13.144	19.000	8.000
	Chi hỗ trợ học bổng	426	426	348	348	520	520	150	266	200	186	200	40	300	304	100	117	120	120
	Chi trợ giúp khám chữa bệnh	95	95	981	981	315	315	200	361	200	520	500	520	700	948	920	887	950	950
	Chi trợ cấp khó khăn	370	370	264	264	1.435	1.435	600	702	700	668	650	325	800	355	200	198	200	200
	Chi thăm tặng quà	2.136	2.136	1.448	1.448	1.905	1.905	1.000	861	2.500	2.586	1.600	1.661	1.700	1.673	5.600	5.709	3.000	2.400
	Chi hỗ trợ mua vật tư, con giống	-	-	1.005	1.005	600	600	1.000	30	100	-	50	-	2.000	1.950	1.400	780	700	700
	Chi XD nhà vệ sinh chôn	12.295	12.295	5.727	5.727	7.811	7.811	5.658	6.874	3.500	5.801	6.000	8.374	4.300	1.877	4.280	5.453	5.030	3.630
15	Quỹ Cứu trợ	8.448	8.448	22.719	22.719	10.710	10.710	-	21.125	-	5.384	-	1.084	-	27.615	-	10.735	-	-
	Chi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Quỹ	8.448	8.448	22.719	22.719	10.710	10.710	-	21.125	-	5.384	-	1.084	-	27.615	-	10.735	-	-
	Chi hoạt động tại địa phương	8.448	8.448	22.719	22.719	9.610	9.610	-	21.125	-	5.284	-	784	-	26.615	-	10.735	-	-
	Chi hoạt động ngoài tỉnh	-	-	-	-	1.100	1.100	-	-	-	100	-	300	-	1.000	-	-	-	-
16	Quỹ hỗ trợ ngư dân	-	-	-	3.600	-	15.775	-	50.000	-	61.000	-	65.000	-	65.000	-	65.000	-	-
	Chi lương, phụ cấp	-	-	-	3.600	-	15.775	-	50.000	-	62.000	-	65.000	-	65.000	-	65.000	-	-
II	Khởi huyện	243	471	553	1.581	603	1.291	490	1.576	1.172	2.136	918	2.672	905	2.624	953	2.131	6.466	6.302
*	UBND huyện Bình Sơn	243	471	553	1.581	603	1.291	490	1.576	1.172	2.136	918	2.672	905	2.624	953	2.131	6.466	6.302
1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	123	169	176	701	163	431	254	521	975	1.483	676	1.145	686	1.341	728	1.129	1.689	1.532
a	Chi quản lý Quỹ	-	-	-	7	-	5	-	5	-	5	-	10	-	5	-	8	-	-
	Chi lương, phụ cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Quỹ	123	169	176	695	163	426	254	516	975	1.478	676	1.135	686	1.336	728	1.121	1.689	1.532
2	Quỹ vì người nghèo	120	244	135	567	184	518	211	1.021	197	569	243	845	219	926	225	693	4.777	4.771
a	Chi quản lý Quỹ	-	1	-	6	-	5	-	4	-	5	-	5	-	3	-	3	-	-
	Chi lương, phụ cấp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	Chi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Quỹ	120	243	135	562	184	514	211	1.017	197	564	243	840	219	922	225	690	4.777	4.771
3	Quỹ Cứu trợ	-	-	241,8	241,8	256	256	24,5	24,5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Quỹ vận động (vận động từ cán bộ, công chức, viên chức)	-	52	0	45	-	61	-	-	-	43	-	59	-	227	-	258	-	-
5	Quỹ nhân đạo	-	-	0	-	-	-	-	-	-	-	-	600	-	91	-	15	-	-
6	Quỹ hiến máu tình nguyện	-	7	0	26	-	24	-	10	-	40	-	24	-	39	-	36	-	-



HỢP TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH
DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020
 Nghị quyết Báo cáo số 55/BC-UBND ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên Quỹ	Thực hiện năm 2011			Thực hiện năm 2012			Thực hiện năm 2013			Thực hiện năm 2014			Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018			Thực hiện năm 2019			Kế hoạch năm 2020															
		Dự nguồn đến 31/12/2011		Vốn số đang trong năm	Dự nguồn đến 31/12/2012		Vốn số đang trong năm	Dự nguồn đến 31/12/2013		Vốn số đang trong năm	Dự nguồn đến 31/12/2014		Vốn số đang trong năm	Dự nguồn đến 31/12/2015		Vốn số đang trong năm	Dự nguồn đến 31/12/2016		Vốn số đang trong năm	Dự nguồn đến 31/12/2017		Vốn số đang trong năm	Dự nguồn đến 31/12/2018		Vốn số đang trong năm	Dự nguồn đến 31/12/2019		Vốn số đang trong năm	Dự nguồn đến 31/12/2020 (dự kiến)	Vốn số đang trong năm														
		Tổng nguồn vào phát sinh trong năm	Vòng số Trung cấp Trung ương		Tổng số	Trung cấp Trung ương		Tổng số	Trung cấp Trung ương		Tổng số	Trung cấp Trung ương		Tổng số	Trung cấp Trung ương		Tổng số	Trung cấp Trung ương		Tổng số	Trung cấp Trung ương		Tổng số	Trung cấp Trung ương		Tổng số	Trung cấp Trung ương				Tổng số	Trung cấp Trung ương	Tổng số	Trung cấp Trung ương	Tổng số	Trung cấp Trung ương	Tổng số	Trung cấp Trung ương						
1	Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo tỉnh Quảng Ngãi	49,230	36,697	8,509	33,667	82,358	46,546	18,917	51,912	47,693	88,762	20,407	47,978	88,488	98,731	53,803	73,127	114,099	223,124	153,366	93,437	341,926	127,588	28,256	82,405	287,897	114,073	28,848	165,636	237,600	138,435	44,583	110,443	267,392	181,538	62,869	147,198	218,344	73,710	44,518	59,729	200,984		
2	Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo									11,232			11,221	11	18,789	18,389	219	20,292		20,341	161	21,635		21,759	86	23,042		23,062	66	16,907		18,936	37	19,103		19,071	70							
3	Quỹ Bảo vệ môi trường	2,927	266		2,255	928	5,078	5,000	4,991	1,005	1,080		812	1,274	190		509	955	178		95	1,036	108		51	1,093	1,917		522	2,588	503		200	2,811	1,000		1,000	2,811	1,000		1,000	2,811		
4	Quỹ Bảo vệ môi trường													8,000	8,000		8,000	5,000	5,000		13,000	5,433	5,433	3,031	15,412	1,567	1,567	9,442	7,537	1,567		1,800	9,104	1,000		3,000	7,104			3,000	4,104			
5	Quỹ Nạn nhân chất độc da cam	577	1,236		1,529	284	1,769		1,790	262	1,492		1,470	284	1,161		1,036	409	2,028		2,280	157	1,831		1,947	41	3,228		2,752	518	3,666		3,001	583	1,450		1,950	83	1,200		1,280	3		
6	Quỹ Hỗ trợ nông dân	2,540	640	500	3,068	132	3,950	500	5,884	218	1,172	1,000	1,283	107	2,974	1,000	2,965	116	4,200	1,500	4,458	-	2,203	1,700	2,169	-	4,154	1,000	4,259	-	-	1,000	-	-	4,300	1,000	4,230	20	4,500	1,900	4,500	20		
7	Quỹ Phát triển rừng													5,382	1,618	1,934	3,447	6,949	1,063	2,411	7,072	7,889	808	4,809	10,133	6,797	402	6,696	10,234	7,864	-	7,255	10,843	9,301	1,503	13,466	6,880	8,000	-	14,830	-			
8	Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX																																											
9	Quỹ Bảo trợ trẻ em	2,422	693	259	810	2,305	721	1,217	881	2,144	637	971	940	1,861	86	2,086	333	1,614	390	1,312	193	1,811	56	3,255	168	1,699	35	3,545	781	974	3	3,545	492	485	3,000	4,487	3,000	485	5,000	4,500	3,000	485		
10	Quỹ Khuyến học, khuyến dạy	2,636	150	2,641	595	4,252	200	2,749	2,099	3,751	500	4,012	1,817	4,047	800	5,040	824	6,432	300	5,334	1,722	1,858	500	6,209	1,371	6,690	700	6,598	1,466	9,042	698	2,023	2,425	-	-	-	-	-	-	-	-			
11	Quỹ Bảo trợ phát triển																																											
	- Vốn điều lệ Quỹ ĐPPT																		100,000	100,000		100,000					100,000			40,367	59,633	25,219		23,479	59,373	4,803		63,639	337					
	- Vốn của Quỹ phát triển địa																		22,359	22,359	19,300	2,839	8,543			11,403	9,800		1,100	20,103	3,000			23,103	4,500			27,603						
12	Quỹ cho vay giải quyết việc làm	16,732	5,000	5,000		21,732	4,000	4,000		25,732	10,956	10,936		35,668	7,008	7,008		44,426	7,000	7,000		51,426	6,960	6,960		58,436	10,834	10,834		69,270	32,305	32,305		101,574	20,000	20,000		121,374	20,000	20,000		141,374		
14	Quỹ "Vì người nghèo"	8,792	14,859		15,516	8,075	5,531		9,878	3,748	10,326		12,899	1,180	10,185		9,200	2,165	10,912		9,992	3,085	14,329		12,773	4,641	7,462		7,107	4,996	13,081		13,144	4,933	8,000		10,000	2,000	8,000		8,000	2,000		
15	Quỹ Cứu trợ	15,390	6,427		8,448	13,369	17,829		22,719	8,487	19,076		10,709	16,852	11,803		21,124	7,533	1,255		5,383	3,405	20,697		1,084	23,018	19,753		22,615	15,156	4,029		10,735	8,450		5,320	3,130							
16	Quỹ hỗ trợ ngư dân		4,900			4,900	1,216		2,120	3,996	29,039	7,000	4,604	28,431	18,485	1,800	11,532	35,384	21,399	1,000	16,387	40,396	22,997		20,203	43,190	10,752	1,000	20,809	33,133	13,843	1,000	10,223	36,755	10,000	1,000	10,000	1,000	10,000	1,000	10,000	36,755		